

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 6 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Nhàn

2/ Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 988/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1992; trú tại: thôn TL, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sang N, sinh năm 1984; trú tại: thôn TL 2, xã T, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Sang N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 17/3/2010. Sau khi cưới, vợ chồng xây dựng nhà ở trên đất cha mẹ chồng tại thôn TL 2, xã T, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Anh N hay chửi

mắng, xúc phạm và đánh đập chị chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ hay những lần chị đi làm về trễ. Ngày 14/02/2022, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng. Chị làm đơn ly hôn và anh N thống nhất ký vào đơn. Chị về nhà cha mẹ ruột ở thị xã S, tỉnh Phú Yên sinh sống cho đến nay. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Sang N, nên yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ con chung: có 03 con là Nguyễn Kiều Thanh T1, sinh ngày 12/02/2010; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 18/01/2012; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 04/9/2014, hiện đang sống với anh N. Chị yêu cầu giao 03 con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản, gồm: 01 xe máy hiệu Airblade; số tiền 96.000.000đ; 01 con bò cái 02 năm tuổi và bộ nữ trang vàng tây (loại vàng 18k) gồm: 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 chiếc lách, hiện anh N đang quản lý. Ngày 08/4/2022, chị có đơn rút yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 4 năm 2022 bị đơn anh Nguyễn Sang N trình bày:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị Lê Thị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh làm công nhân, còn chị N làm công việc tự do. Cuộc sống vợ chồng bình thường. Cuối năm 2021, anh nghe dư luận nói chị N có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh khuyên chị N từ bỏ thói hư và hứa sẽ bỏ qua lỗi lầm của chị N để chung sống nuôi con. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ, chị N không nghe mà còn đòi ly hôn. Vì tức giận, anh có đánh chị N tát tai. Ngày 14/01/2022AL, chị N về nhà trễ. Anh nghi ngờ nên gắng hỏi nguyên nhân chị N về trễ. Chị N tiếp tục đòi ly hôn. Chị đưa cho anh tờ đơn ly hôn đã viết sẵn, yêu cầu anh ký rồi chị đưa tiền để anh sửa nhà. Vì tức giận và cũng vì cần tiền để tiếp tục sửa nhà, nên anh đã ký đồng thuận vào đơn ly hôn chứ chưa đọc nội dung. Ngày hôm sau, chị N dọn đồ đạc bỏ đi, vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con, không đồng ý yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có 03 con là Nguyễn Kiều Thanh T1, sinh ngày 12/02/2010; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 18/01/2012; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 04/9/2014, hiện đang sống với anh. Anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến vì về việc nuôi dưỡng con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Tài sản của vợ chồng, gồm: 01 xe máy hiệu Air blade biển kiểm soát 77F1- 43772; số tiền 96.000.000đ; 01 con bò và 01 bộ nữ trang vàng tây (loại vàng 18k) gồm: 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 chiếc lách. Tài sản hiện anh đang quản lý. Anh không đồng ý phân chia theo yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa:

- Chị Lê Thị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giao 03 người con chung cho anh Nguyễn Sang N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ/người. Vì hiện chị phải ở nhờ nhà cha mẹ, việc làm và thu nhập không ổn định; về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; áp dụng các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Sang N.

+ Về quan hệ con chung: Giao 03 người con chung: Nguyễn Kiều Thanh T1, sinh ngày 12/02/2010; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 18/01/2012; Nguyễn Minh T3, sinh ngày 04/9/2014 cho anh Nguyễn Sang N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ/cháu.

+ Về quan hệ tài sản: Đình chỉ giải quyết, do chị Lê Thị N rút yêu cầu.

+ Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, về nuôi dưỡng con. Bị đơn anh Nguyễn Sang N có nơi cư trú tại xã T, thị xã An Nhơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Anh Nguyễn Sang N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Sang N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Sang N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Bình Định, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cãi vã và quyết định không sống chung với nhau từ tháng 02.2022 cho đến nay. Theo chị

Lê Thị N, nguyên nhân do anh N hay chửi mắng, xúc phạm và đánh đập chị chỉ từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Chị không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh N, nên yêu cầu ly hôn. Anh Nguyễn Sang N thừa nhận có đánh chị N. Nguyên nhân do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không nghe anh khuyên nhủ mà còn yêu cầu ly hôn. Anh còn nại rằng việc anh ký đồng thuận vào đơn ly hôn đề ngày 14/02/2022 là do tức giận chứ thực tế giữa anh và chị N không có mâu thuẫn. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con.

[4] Để tạo điều kiện cho chị N và anh N có thời gian hàn gắn hạnh phúc gia đình, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh N không đến tham gia để đưa ra ý kiến và tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều đó chứng minh rằng anh N không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung: Chị N và anh N có 03 người con chung là trẻ Nguyễn Kiều Thanh T1, sinh ngày 12/02/2010; trẻ Nguyễn Minh T2, sinh ngày 18/01/2012 và trẻ Nguyễn Minh T3, sinh ngày 04/9/2014. Các trẻ hiện đang sống với anh N. Chị N yêu cầu giao 03 người con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không đồng ý ly hôn, nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con và cấp dưỡng. Xét thấy sự kiện ly hôn sẽ dẫn đến vợ chồng không cùng nhau chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, nên việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị N hiện không có nơi cư trú ổn định. Hơn nữa, từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay, anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các trẻ và qua lời trình bày của các trẻ thì trong thời gian không có mẹ, bản thân các trẻ tự chăm sóc cho nhau. Do vậy, để ổn định tâm ý cũng như tránh sự thay đổi môi trường sống và học tập của các trẻ, Hội đồng xét xử xét giao 03 người con chung cho anh Nguyễn Sang N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và thực tế nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con ...”* và khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Anh Nguyễn Sang N không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Song, với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 500.000đ/trẻ mà chị Lê Thị N tự nguyện đóng góp không đủ đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các trẻ. Căn cứ vào mức sống và chi phí sinh hoạt tại địa phương, buộc chị Lê Thị N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/trẻ.

[7] Về quan hệ tài sản: Ngày 08/4/2022, chị Lê Thị N có đơn rút yêu cầu tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Sang N không có yêu cầu phản tố. Xét việc chị N rút yêu cầu tranh chấp là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ Điều 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn của chị Lê Thị N.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về quan hệ hôn nhân, trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và tài sản chung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con là chưa phù hợp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 1 Điều 228, các Điều 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N. Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Sang N.

2. *Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:* Giao các trẻ Nguyễn Kiều Thanh T1, sinh ngày 12/02/2010; Nguyễn Minh T2, sinh ngày 18/01/2012 và Nguyễn Minh T3, sinh ngày 04/9/2014 cho anh Nguyễn Sang N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Buộc chị Lê Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ, mỗi tháng 1.000.000đồng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng

kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt theo quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N đối với yêu cầu tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, do chị Lê Thị N rút yêu cầu.

5. *Án phí sơ thẩm:* Chị Lê Thị N phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị N được trừ vào 3.300.000(ba triệu ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005137 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Còn hoàn trả cho chị Lê Thị N 2.700.000(hai triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí.

6. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm chị Lê Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Sang N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng